TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-6-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Phạm Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Viết Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên toà số: 01/TB-TA ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị D; trú tại: Thôn H, xã T, huyện T1, tỉnh T2; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Sỹ Th; trú tại: Thôn M, xã C, huyện V, thành phố H2; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-10-2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị D trình bày:

Chị D và anh Th kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng năm 2007. Quá trình chung sống giữa vợ chồng, có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, về tính cách nên đã sống ly thân mỗi người một nơi và không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Nay, Chị D cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh Th theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con là Lê Sỹ C4, sinh ngày 10-02-2008 và Lê Sỹ V4, sinh ngày 23-5-2009. Ly hôn, Chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Lê Sỹ C4; anh Th nuôi dưỡng con Lê Sỹ V4 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, bị đơn anh Lê Sỹ Th xác nhận quá trình chung sống vợ chồng giữa anh Th và Chị D có phát sinh mâu thuẫn như Chị D trình bày là đúng. Nay Chị D yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, anh Th không đồng ý ly hôn với Chị D.

Về con chung: Anh Th xác nhận vợ chồng có hai con là Lê Sỹ C4, sinh ngày 10-02-2008 và Lê Sỹ V4, sinh ngày 23-5-2009. Trường hợp ly hôn, anh Th yêu cầu được nuôi dưỡng con Lê Sỹ V4; Chị D nuôi dưỡng con Lê Sỹ C4 cho đến khi các con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 147, 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12 - 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Vũ Thị D ly hôn anh Lê Sỹ Th. Về con chung: Giao con Lê Sỹ C4 cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Lê Sỹ V4 cho anh Th trực tiếp

nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn. Do đó, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại Thôn M, xã C, huyện V, thành phố H2. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn chị Vũ Thị D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Sỹ Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D kết hôn với anh Lê Sỹ Th trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2007 ngày 14-9-2009. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa Chị D và anh Th là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị D cho rằng quá trình chung sống giữa Chị và anh Th có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về tính cách nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Về phía anh Th cũng xác nhận quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn với Chị D. Quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, cả Chị D và anh Th đều không thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn giữa vợ và chồng. Qua đó đánh giá rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị D và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc

Chị D yêu cầu ly hôn với anh Th là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị D và anh Th có 02 con là Lê Sỹ C4, sinh ngày 10-02-2008 và Lê Sỹ V4, sinh ngày 23-5-2009. Trường hợp ly hôn, Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con Lê Sỹ C4; anh Th yêu cầu được nuôi dưỡng con Lê Sỹ V4. Trong khi đó, cháu Lê Sỹ C4 có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Lê Sỹ V4 có nguyện vọng được ở với bố. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, giao con Lê Sỹ C4 cho Chị D nuôi dưỡng; giao con Lê Sỹ V4 cho anh Th nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của các bên, phù hợp nguyện vọng của con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.1] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị Vũ Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị D được ly hôn anh Lê Sỹ Th.

2. Về con chung: Giao con Lê Sỹ C4, sinh ngày 10-02-2008 cho chị Vũ Thị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Lê Sỹ V4, sinh ngày 23-5-2009 cho anh Lê Sỹ Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002107 ngày 27-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Hữu Hường